제 5 교시

제2외국어/한문 영역(기초 베트남어)

성명		수험 번호						–				

1. □에 공통으로 들어갈 글자는? [1점]

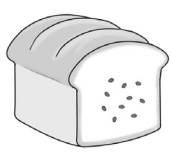
		
□a sĩ	bá□ sĩ	□ảnh sát

① b ② c ③ g ④ m ⑤ t

2. 밑줄 친 부분의 발음이 서로 같은 것은?

① **Ng**ân hàng VN **ngh**ỉ.
② Nhà tôi **c**ó một con **ch**ó.
③ **V**ì sao **b**ạn không đi học?
④ **T**ôi tập **th**ể dục mỗi ngày.
⑤ **D**u khách **đ**ến Hạ Long rất đông.

3. (a), (b)의 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

(a)  b□nh	(b)  s□ch

	(a)	(b)		(a)	(b)
①	a	á	②	ạ	á
③	à	ạ	④	á	á
⑤	ạ	ạ			

4. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Em đi đâu đấy?
B : Em đi thư viện.
A : Hôm nay thư viện _____ cửa.
B : Thế ạ! Ngày mai em đi.

① chọn ② đóng ③ đứng ④ ngồi ⑤ trông

5. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

○ Anh dùng trà _____ cà phê?
○ Tôi _____ đi chơi công viên.

① hay ② khá ③ lắm ④ hoặc ⑤ thường

6. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은?

A : Các sinh viên ở đây là người Hàn Quốc, phải không?
B : Không. _____.

<보 기>

a. Sinh viên ở đây là người cả Việt Nam
b. Tất cả sinh viên ở đây là người Việt Nam
c. Sinh viên ở đây mọi là người Việt Nam
d. Các sinh viên ở đây đều là người Việt Nam

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

7. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Anh Tuấn nói tiếng Hàn giỏi không?
B : Có, anh ấy __(a)__ nói tiếng Hàn giỏi __(b)__ nói tiếng Anh giỏi.

	(a)	(b)		(a)	(b)
①	tuy	mà	②	nếu	nên
③	vừa	vừa	④	chỉ	thôi
⑤	dù	nhưng			

8. 'cháu'가 들어갈 위치로 알맞은 것은?

A : Chào ông, cháu là Khánh ạ.
B : Chào cháu, cháu đến đây có việc gì?
A : Dạ, (a) làm ơn (b) cho (c) gặp Hà một chút (d) được không (e) ạ?
B : Cháu chờ một chút nhé.

① (a) ② (b) ③ (c) ④ (d) ⑤ (e)

9. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Anh Hải và anh Hùng, ai nhiều tuổi __(a)__ ?
B : Hai anh ấy __(b)__ tuổi nhau.

	(a)	(b)		(a)	(b)
①	ít	kém	②	ít	nhất
③	hơn	kém	④	hơn	bằng
⑤	kém	nhiều			

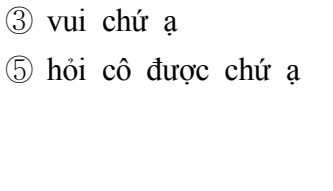
이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

10. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : _____ bao nhiêu tiền?
B : 20.000 đồng.

① Bút cái này màu đen ② Cái bút màu đen này
③ Đen màu cái bút này ④ Màu này đen cái bút
⑤ Này bút màu đen cái

11. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



A : Anh bị làm sao thế?
B : Tôi ho nhiều và rất mệt.
A : _____?
B : Dạ không, nhưng tôi đau đầu.

① Anh không ho à ② Anh có sốt không
③ Anh đau đầu không ④ Tôi hơi mệt, còn anh
⑤ Khi nào tôi khám bệnh

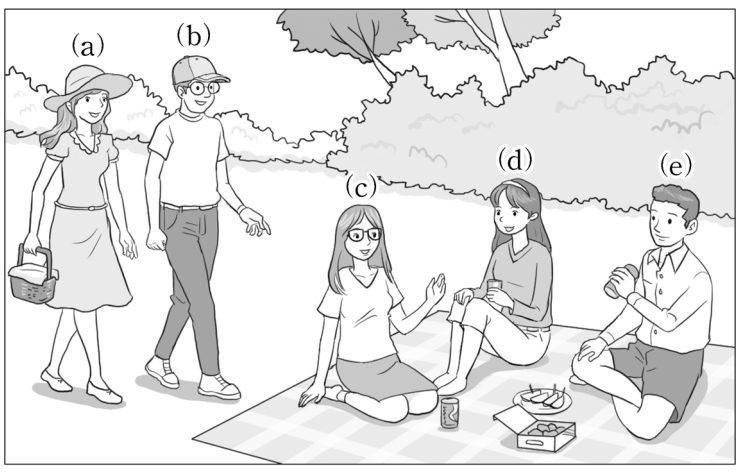
12. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

Giáo viên : Em cần gì?
Học sinh : Bài này khó quá, em _____?
Giáo viên : Ừ, để cô xem.
Học sinh : Vâng ạ.

① đói chưa ② rỗi không
③ vui chứ ạ ④ đến đây làm gì
⑤ hỏi cô được chứ ạ

13. 대화의 내용으로 보아 Mai는? [1점]

A : Mai là người nào?
B : Chị ấy là người đeo kính, mặc áo ngắn tay.
A : Có đội mũ không?
B : Không.



① (a) ② (b) ③ (c) ④ (d) ⑤ (e)

14. 대화의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?

Huy : Bạn thích chơi bóng đá không?
Kim : Dĩ nhiên, bóng đá rất thú vị. Còn bạn?
Huy : Mình cũng thế.
Kim : Thế à? Vậy thứ bảy này cùng chơi bóng đá nhé!
Huy : Ừ, thứ bảy nhé!

<보 기>

a. Huy thích bơi và bóng đá.
b. Huy và Kim thích chơi bóng đá.
c. Huy thường chơi bóng đá với Kim.
d. Huy và Kim hẹn chơi bóng đá vào thứ bảy này.

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

15. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Anh ơi, từ đây đến đường Nguyễn Trãi mất bao lâu?
B : Đi xe buýt khoảng 10 phút.
A : Vâng, _____ anh.

① cảm ơn ② rẻ quá
③ đừng đi ④ giảm giá đi
⑤ đừng làm ồn

16. 대화의 내용으로 보아 A와 B가 만나기로 했던 시각은?

A : Anh đến muộn thế!
B : Anh không đến muộn mà!
A : Bây giờ là 2 giờ rưỡi. Anh đến muộn 1 tiếng.
B : Ừ nhỉ! Anh nhìn nhầm giờ.

① 
② 
③ 
④ 
⑤ 

17. 글의 내용과 일치하지 않는 것은?

Tôi là In-su, sinh viên Trường Đại học ABC ở Seoul. Tôi học kế toán nhưng rất thích học ngoại ngữ. Hiện nay, tôi đang học thêm tiếng Việt. Tôi có nhiều bạn Việt Nam. Anh tôi là kỹ sư xây dựng và đang làm việc ở Việt Nam. Sau khi tốt nghiệp, tôi cũng muốn đi Việt Nam.

① In-su là kỹ sư xây dựng.
② In-su đang học tiếng Việt.
③ In-su thích học ngoại ngữ.
④ In-su có nhiều bạn Việt Nam.
⑤ In-su muốn đi Việt Nam sau khi tốt nghiệp.

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

18. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A-ra : Trang ơi, mình định đi du lịch Việt Nam nhưng không biết nên đi đâu.
Trang : _____
A-ra : _____
Trang : Thế, bạn nên đi Hà Nội. _____
A-ra : Vậy, mình sẽ đi du lịch Hà Nội.

<보 기>

a. Bao giờ bạn định đi?
b. Vì tháng 10 thời tiết rất đẹp.
c. Mình muốn đi vào tháng 10.

① a - b - c ② a - c - b ③ b - a - c
④ b - c - a ⑤ c - b - a

19. 글의 내용을 나타내는 표지판은? [1점]

Đường này cấm xe đạp.

① ② ③ ④ ⑤



20. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Chị ơi, ti-vi này 9.000.000 đồng à?
B : Đúng rồi em.
A : _____?
B : Vì đây là hàng mới về mà.

① Ti-vi của ai
② Em lấy ti-vi nào
③ Chị có ti-vi không
④ Chị có mở ti-vi không
⑤ Tại sao ti-vi này đắt thế

21. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 있는 대로 고른 것은?

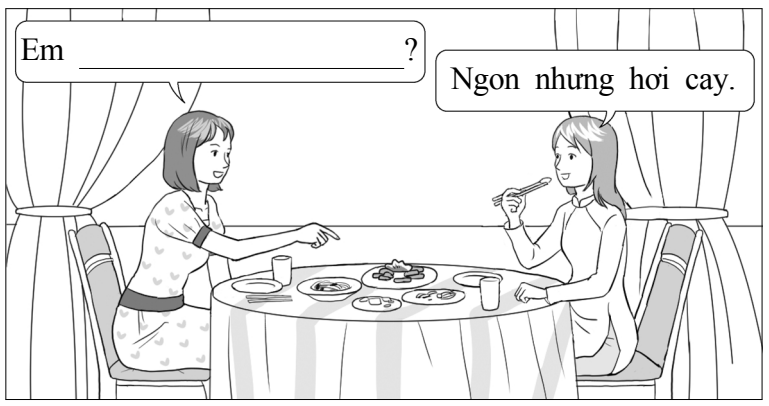
A : Chào chị, tôi muốn _____.
B : Anh viết địa chỉ người gửi và người nhận vào đây.
A : Vâng.

<보 기>

a. gửi thư nhanh đi Mỹ
b. tìm đường đi bưu điện
c. chờ bạn ở trước bưu điện

① a ② c ③ a, b ④ b, c ⑤ a, b, c

22. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



① ăn khi nào
② thích rau gì
③ thích môn nào
④ nấu cơm lúc mấy giờ
⑤ thấy món này thế nào

23. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Chào anh, nghe nói anh là giáo sư, phải không?
B : Vâng, tôi là giáo sư. Còn chị _____?
A : Tôi là y tá.

① tên là gì
② làm nghề gì
③ chọn màu gì
④ thích xem gì
⑤ kết hôn chưa

24. 대화의 내용으로 알 수 있는 것은?

A : Tôi giúp được gì cho anh?
B : Tôi muốn đặt 2 phòng đơn vào ngày 15 và 16 tháng 10.
A : Vâng, xin anh cho biết tên.
B : Tôi là Nguyễn Văn Sơn.

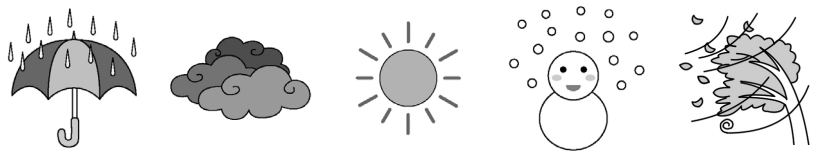
① A là bạn của B.
② B cần 2 phòng đơn.
③ B muốn trả tiền phòng.
④ Nguyễn Văn Sơn là nhân viên khách sạn.
⑤ Không có phòng vào ngày 15 và 16 tháng 10.

25. 대화의 내용으로 보아 Sa Pa의 날씨에 해당하는 그림은? [1점]



A : Thời tiết Huế đẹp không?
B : Ừ, trời đang nắng đẹp. Còn Sa Pa thì sao?
A : Ở đây trời đang mưa.

① ② ③ ④ ⑤



이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

26. 광고의 내용으로 알 수 없는 것은?

– Nhà cho thuê –
2 phòng ngủ, 1 phòng tắm, 1 phòng khách
8.000.000 đồng / 1 tháng
Đối diện Trường Đại học Quốc gia Hà Nội
Liên hệ : 0912 345 678 (chủ nhà)

① Số phòng ngủ
② Giá cho thuê nhà
③ Số điện thoại liên hệ
④ Địa điểm nhà cho thuê
⑤ Tên của người cho thuê

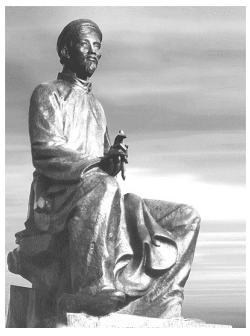
27. Nội Bài 공항에 관한 글이다. 글의 내용과 일치하지 않는 것은?

Nội Bài là sân bay quốc tế hiện đại có quy mô lớn ở Việt Nam. Nội Bài nằm ở phía Tây Bắc của Thủ đô Hà Nội. Từ trung tâm Hà Nội đến Nội Bài có thể đi theo hai đường cao tốc là Thăng Long - Nội Bài và Nhật Tân - Nội Bài. Sân bay Nội Bài có nhà ga T1 và T2. T1 chỉ được sử dụng cho các chuyến bay trong nước, còn T2 phục vụ toàn bộ các chuyến bay quốc tế.

* cao tốc : 고속 * nhà ga : 터미널 * chuyến bay : 항공편

① T1 터미널은 국내선 전용이다.
② 수도 하노이의 서북쪽에 있다.
③ 모든 국제선은 T2 터미널을 이용한다.
④ 베트남의 현대화된 규모가 큰 국제공항이다.
⑤ 하노이 중심부에서 공항까지 세 개의 고속도로로 연결된다.

28. Nguyễn Du에 관한 글이다. 글의 내용과 일치하는 것만을 <보기>에서 있는 대로 고른 것은?



Nguyễn Du là Đại thi hào của Việt Nam, đã đóng góp lớn cho lịch sử văn học dân tộc. Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm, dài 3.254 câu. *Truyện Kiều* được dịch và giới thiệu ở nhiều nước, trong đó có Hàn Quốc. Năm 2015, Việt Nam kỷ niệm 250 năm sinh của Nguyễn Du.

* Đại thi hào : 위대한 시인 * dân tộc : 민족
* chữ Nôm : 쯔놈(베트남의 옛 문자) * sinh : 태어나다

<보 기>

a. 쯔놈으로 *Truyện Kiều*를 썼다.
b. 3,254개의 글자로 된 *Truyện Kiều*를 썼다.
c. 베트남의 민족 문학사에 큰 기여를 하였다.

① a ② b ③ a, c ④ b, c ⑤ a, b, c

29. 글의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?



Chợ Bến Thành nằm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chợ có 4 cửa lớn: Cửa Đông, Cửa Tây, Cửa Nam và Cửa Bắc. Chợ có các cửa hàng bán thực phẩm, quần áo, đồ lưu niệm... Nhiều khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh thích đến nơi này để hiểu thêm về văn hóa chợ Việt Nam.

* cửa hàng : 가게 * thực phẩm : 식품 * lưu niệm : 기념

<보 기>

a. Thành phố Hồ Chí Minh có 4 chợ.
b. Chợ Bến Thành có lớp dạy về văn hóa chợ.
c. Thành phố Hồ Chí Minh có chợ Bến Thành.
d. Trong chợ Bến Thành có cửa hàng quần áo.

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

30. 대화의 내용과 가장 가까운 우리말 속담은?

Lan : Bạn biết "Bán anh em xa, mua láng giềng gần" có nghĩa là gì không?
Yu-na : Có, nghĩa là láng giềng ở gần rất quan trọng, phải không?
Lan : Ừ. Anh em và họ hàng nếu ở xa thì không giúp được nhau khi cần.
Yu-na : Mình cũng nghĩ thế. Láng giềng là những người sống gần nhau, có thể giúp nhau nhiều.

* láng giềng : 이웃 * nghĩa : 의미
* quan trọng : 중요한 * họ hàng : 친척

① 형만 한 아우 없다.
② 피는 물보다 진하다.
③ 이웃이 사촌보다 낫다.
④ 사촌이 땅을 사면 배가 아프다.
⑤ 형제는 잘 두면 보배, 못 두면 원수.

* 확인 사항
○ 답안지의 해당란에 필요한 내용을 정확히 기입(표기)했는지 확인하시오.

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.